

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-ST

Ngày: 20-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Diệu

Bà Phạm Thị Lập

Bà Kiều Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiệp và ông Đoàn Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Văn M, sinh ngày 01/01/1982, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1952 (đã chết); vợ Bùi Thị P, sinh năm 1990 (đã ly hôn); con 02 người, sinh năm 2009 và năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn M: Luật sư Trần Đình T – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh L (Có mặt).

- Người chứng kiến:

1. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

2. Ông Mai Thanh H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

3. Ông Bùi Văn B, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2024, bị cáo Trần Văn M đi đến Casino Trâm D1 tại V Campuchia chơi. Tại đây, M quen biết với một người nam thanh niên, có độ tuổi từ 40 - 50 tuổi, nói tiếng Việt Nam, sinh sống tại Campuchia. Người này hỏi M “Cần tiền không, đi giao đồ cho người này để kiếm vài chục triệu đồng tiêu xài” và cho M 02 số điện thoại của Campuchia gồm: Số 067761096 và 0315890928, để nhằm cho M liên lạc lại. Đồng thời, bảo M đi mua 01 sim điện thoại số của Campuchia để liên lạc. Nghe vậy, M đồng ý nhưng nói không có xe để đi, người này cho M số tiền 8.000.000 đồng để mua xe. Sau đó, M mua 01 xe mô tô hiệu Blade không rõ biển số, với giá 8.500.000 đồng của người Campuchia. Chiều cùng ngày, M mua 01 điện thoại di động hiệu Nokia giá 400.000 đồng và cùng 01 sim điện thoại số Campuchia giá 60.000 đồng. Sau khi có điện thoại, M gọi cho người nam thanh niên nêu trên, để người này biết số điện thoại của M và liên lạc với nhau để đi giao đồ.

Khoảng 01 tuần sau, người nam thanh niên nêu trên điện thoại thông báo cho M biết “Tôi có đồ xuống”, yêu cầu M qua nhận và M đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, người thanh niên này điện thoại cho M nói “Khoảng 01 - 02 giờ đồ xuống tới”. Đến khoảng 02 giờ sáng hôm sau, người thanh niên này điện thoại gặp M thông báo “Đã đem đồ để ở phía sau hè Casino Trâm Đồ và bảo M qua nhận”. Sau đó, M bơi qua sông Cái Cỏ (ranh giới giữa Việt Nam - Campuchia), đi bộ đến phía sau Casino Trâm Đồ và nhìn thấy 01 túi nylon màu đen để tại vị trí gốc cây me (có đặc điểm giống như mô tả của người nam thanh niên nêu trên khi điện thoại thông báo cho M biết). Mền đến, mở túi nylon màu đen ra xem và nhìn thấy bên trong có 01 thùng giấy. Sau đó, M cầm túi nylon này bơi qua sông Cái C đem về nhà. Tại nhà, M mở túi nylon ra, bên trong thùng giấy có 05 gói màu xanh và M biết đó là ma túy. M lấy 05 gói ma túy để vào trong tủ sắt, tủ đặt trong phòng ngủ của M. Đến khoảng 16 giờ chiều cùng ngày, người nam thanh niên nêu trên điện thoại và yêu cầu M đi đến Thành phố Hồ Chí Minh “giao đồ”. Người nam thanh niên nêu trên bảo M đi mua 01 sim điện thoại số Việt Nam, rồi đọc số thuê bao cho người này biết, M đồng ý và làm theo. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, có người nam thanh niên khác gọi vào số điện thoại của M mới mua, bảo M mang ma túy đến địa phận Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, khi đi đến nơi thì gọi điện thoại thông báo cho người này biết để cho người đến nhận. Sau khi nghe điện thoại xong, M lấy 05 gói ma túy cho vào hộp giấy và bỏ vào ba lô. Mền điều khiển xe mô tô hiệu Blade, chở ba lô chứa ma túy đến Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, M gọi điện thoại thông báo cho người nam thanh niên biết vị trí M dừng xe để chờ người đến nhận ma túy. Khoảng 15 phút sau, có người phụ nữ (không biết

nhân thân) đến nhận ba lô chứa ma túy do M giao và điều khiển xe đi. Sau khi giao ma túy xong, M điện thoại lại cho người nam thanh niên này báo lại đã giao ma túy xong và người này bảo M vứt bỏ điện thoại cùng sim xuống cống thoát nước. Nghe vậy, M điều khiển xe đi khoảng 01km, vứt điện thoại cùng sim xuống cống thoát nước ven đường (không xác định được vị trí).

Sau khi giao ma túy xong, M điều khiển xe đi về nhà, M dùng điện thoại có gắn sim số C1 gọi cho người nam thanh niên tại Campuchia, thông báo đã giao ma túy xong. Người này hẹn Mên khoảng 15 giờ ngày hôm sau, đến gần C Dò nhận 40.000.000 đồng tiền công vận chuyển 05 gói ma túy. Ngày hôm sau, tại Casino Trâm D1, M đã nhận đủ số tiền công là 40.000.000 đồng và đã bán chiếc xe Blade cho người nam Campuchia với giá 8.000.000 đồng. Khoảng 03 - 04 ngày sau, người nam thanh niên nêu trên đưa cho M 01 điện thoại di động hiệu Nokia cùng sim số Campuchia, nhằm để liên lạc với nhau.

Đến khoảng 18 giờ ngày 04/9/2024, người nam thanh niên nêu trên bên Campuchia điện thoại thông báo cho M biết “Tối nay, có đồ (ma túy) xuống nữa, khi nào xuống tới thì gọi Mên qua Campuchia nhận”. Khoảng 22 giờ cùng ngày, người này gọi cho M nói “Khoảng 02 - 03 giờ, đến phía sau Casino Trâm D1 nhận ma túy, nói với M “Đợt này, số lượng nhiều hơn, nên giá hạ xuống còn 7.000.000 đồng/gói và trả tiền sau khi giao đồ xong”. Khoảng 02 giờ sáng ngày 05/9/2024, người nam thanh niên nêu trên tiếp tục điện thoại thông báo cho M biết đã đem 02 ba lô chứa ma túy để phía sau Casino Trâm Dò và bảo M qua nhận đem về nhà Mên cất giữ, nhằm để vận chuyển đi giao cho người khác. Sau đó, M bơi qua sông C đối diện nhà M, sang bên Vương quốc C1 và đi đến phía sau Casino Trâm Dò cách nhà M khoảng 350 mét. Tại đó, M nhìn thấy 02 ba lô có đặc điểm giống như người nam thanh niên gọi điện thoại thông báo và mô tả, M lấy ba lô màu xanh bỏ vào ba lô màu đen, rồi cho ba lô màu đen vào túi nylon màu đen để không bị nước làm ướt khi bơi qua sông. Sau đó, M vác túi nylon màu đen trên vai phải, đi xuống sông C, bơi qua sông và kéo 02 ba lô chứa ma túy về nhà. Tại nhà, M lấy 25 gói ma túy chứa trong 02 ba lô cất giấu vào tủ sắt đặt trong phòng ngủ của M. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, M điều khiển xe mô tô biển số 62AB-025.53 đi đến quán phở cách nhà M khoảng 200m để ăn sáng. Tại đây, M bị lực lượng Bộ đội Biên phòng mời làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Lực lượng Bộ đội Biên phòng phối hợp với Công an xã H và Công an huyện T, tỉnh Long An, tiến hành khám xét chỗ ở của M. Qua đó, đã thu giữ: 25 gói ma túy, gồm: 15 gói loại Ketamine, khối lượng 14.986,45 gam và 10 gói loại Methamphetamine, khối lượng 9.903,91 gam (Theo Kết luận giám định số 5482/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

1. 01 thùng niêm phong số 5482/C09B, ngày 06/9/2024 có chữ ký tên của Lê Văn H1 (người niêm phong), Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hùng C2 (người chứng kiến) bên trong có chứa mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng như

sau: Mẫu ký hiệu M1: 9858,33 gam, loại Methamphetamine; mẫu ký hiệu M2: 14906,03 gam, loại Ketamine (theo Kết luận giám định số 5482/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh).

2. 98 tờ ngoại tệ, mỗi tờ mệnh giá 100 USD.

3. 01 ba lô màu xanh dương và 01 ba lô màu đen.

4. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu sơn xanh, số khung RLHJK1219PZ026922, số máy JK12E0333597, biển số 62AB-025.53, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.

5. 01 Điện thoại di động hiệu OPPO A 54, kiểu máy CPH12239, màu đen có chứa sim số thuê bao 0332132418.

6. 01 Điện thoại di động hiệu Nokia 6300, model TA-1286, màu xám có chứa sim.

Tại Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSLA-P1 ngày 29/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Trần Văn M trình bày: Khi bị Bộ đội Biên phòng khám xét tại nhà bắt giữ bị cáo, bị cáo mới biết bên trong của 25 gói bị cáo nhận vận chuyển là chứa ma túy, vì: Khi nhận lời của người thanh niên bên Campuchia, người này nói vận chuyển linh kiện điện tử và đồng hồ đeo tay, nếu biết vận chuyển ma túy, bị cáo không nhận vận chuyển. Bị cáo xác định: 25 gói ma túy thu giữ tại nhà ở của bị cáo vào ngày 05/9/2024 là do bị cáo mang từ bên Vương quốc Campuchia về nhà cất giữ để nhằm vận chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh để giao lại cho người khác khi có người yêu cầu bị cáo đi giao, chưa kịp đi giao thì bị phát hiện; ngoài ra, trước đó bị cáo cũng đã vận chuyển 05 gói (có đặc điểm bên ngoài màu xanh giống như 15 gói ma túy thu giữ tại nhà của bị cáo) đi giao cho một người nhận không biết tên và địa chỉ tại khu vực Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của người chứng kiến, cùng các Biên bản khám xét, Biên bản khám nghiệm hiện trường của vụ án, các Kết luận giám định đã được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa là đúng. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, đã truy tố bị cáo về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Đối với: 98 tờ ngoại tệ, mỗi tờ có mệnh giá 100 USD là số tiền bị cáo có được từ mua bán cây kiềng, cây ăn trái cho một người bên Campuchia, trước ngày bị bắt 03 ngày, không phải là số tiền có được từ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy; 01 xe mô tô biển số 62AB-025.53 không có liên quan với hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 không có liên lạc đến việc vận chuyển ma túy nên yêu cầu nhận lại. Bị cáo không có khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đối với bị cáo trong hoạt động điều tra và truy tố vụ án đối với bị cáo. Quá trình điều tra vụ án bị cáo tự khai

nhận hành vi phạm tội, không bị ai ép cung, mớm cung hay nhục hình buộc phải khai nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa, phát biểu luận tội về hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn M tử hình.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Buộc bị cáo nộp lại tổng số tiền 48.000.000 đồng có được từ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy (gồm: Tiền công nhận vận chuyển ma túy lần 01 là 40.000.000 đồng cùng giá trị của chiếc xe mô tô bị cáo dùng để vận chuyển ma túy và đã bán với giá 8.000.000 đồng).

- Về phần xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án, đề nghị;

1. Trả lại cho bị cáo gồm: 98 tờ ngoại tệ, mỗi tờ có mệnh giá 100 USD; 01 xe mô tô biển số 62AB-025.53, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, kiểu máy CPH12239, màu đen có chứa sim số thuê bao 0332132418.

2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, model TA-1286, màu xám có chứa sim.

3. Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng niêm phong số 5482/C09B, ngày 06/9/2024 có chữ ký tên của Lê Văn H1 (người niêm phong), Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hùng C2 (người chứng kiến) bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: Mẫu ký hiệu M1: 9858,33 gam, loại Methamphetamine; mẫu ký hiệu M2: 14906,03 gam, loại Ketamine (theo Kết luận giám định số 5482/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh); 01 ba lô màu xanh dương và 01 ba lô màu đen.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí.

- Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn M trình bày: Thống nhất về tội danh đối với bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra, Luật sư còn trình bày thêm về nguyên nhân và điều kiện dẫn đến bị cáo phạm tội như: Bị cáo ở vùng sâu, vùng xa nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị cáo đang nuôi 02 người con còn nhỏ tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tham gia tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp. Trong quá trình điều tra vụ án, tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét, lời khai nhận của bị cáo Trần Văn M tại phiên tòa, có một phần phù hợp với: Lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của người chứng kiến; Biên bản khám xét; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án và thu giữ vật chứng; các Kết luận giám định và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Trần Văn M là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Để nhằm có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến ngày 05/9/2024, bị cáo Trần Văn M đã 02 lần vận chuyển trái phép chất ma túy, trong đó: Lần một, đã vận chuyển thành công 05 gói ma túy từ Vương quốc Campuchia về địa bàn tỉnh Long An cất giữ, rồi vận chuyển đi đến Thành phố Hồ Chí Minh giao lại cho người nhận không rõ họ tên; lần hai, đã vận chuyển 25 gói ma túy gồm: 15 gói loại Ketamine, khối lượng 14.986,45 gam và 10 gói loại Methamphetamine, khối lượng 9.903,91 gam, từ bên Vương quốc Campuchia về nhà ở của bị cáo tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Long An, cất giấu nhằm để tiếp tục vận chuyển đi đến Thành phố Hồ Chí Minh giao cho người khác thì bị phát hiện ngăn chặn. Như vậy, hành vi như trên của bị cáo Trần Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và được quy định như sau:

“Điều 250 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào vận chuyển trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

...

h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng không biết trước bên trong của các gói mà bị cáo nhận vận chuyển là ma túy, là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Tội phạm do bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, là nguyên nhân gây nên nhiều tệ nạn xã hội cũng như các loại tội phạm khác. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải có một mức án tương xứng đối với bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn M thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tự thú ra hành vi phạm tội trước đó; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn vợ và đang nuôi 02 người con còn nhỏ tuổi; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt đối với bị cáo: Xét thấy, bị cáo Trần Văn M nhận thức được tác hại của ma túy và sự trừng trị của pháp luật đối với loại tội phạm ma túy nhưng bị cáo vẫn quyết tâm thực hiện. Hơn thế nữa, đây không phải là lần đầu, mà trước đó bị cáo đã từng 01 lần thực hiện hành vi vận chuyển ma túy thành công. Chỉ tính khối lượng ma túy bị bắt quả tang ngày 05/9/2024 là đặc biệt lớn. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về quyết định mức và loại hình phạt đối với loại tội phạm ma túy. Với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, so với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đối với bị cáo là không có đủ căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, có căn cứ để áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất đối

với bị cáo là tử hình, như đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét:

[6.1] Đối với số tiền bị cáo M có được từ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy lần thứ 01 là 40.000.000 đồng, nên cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với phương tiện bị cáo M dùng để vận chuyển ma túy lần thứ 01 là 01 xe mô tô không rõ biển số, bị cáo khai đã bán với giá 8.000.000 đồng, nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền bán xe để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3] Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, kiểu máy CPH12239, màu đen có chứa sim số thuê bao 0332132418; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, model TA-1286, màu xám có chứa sim. Căn cứ vào lời khai của bị cáo cùng với kết quả điều tra, có căn cứ xác định: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, model TA-1286, màu xám có chứa sim là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo.

[6.4] Đối với 01 cái ba lô màu xanh dương và 01 cái ba lô màu đen là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, xét không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[6.5] Đối với: 98 tờ ngoại tệ, mỗi tờ mệnh giá 100 USD; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu sơn xanh, số khung RLHJK1219PZ026922, số máy JK12E0333597, biển số 62AB-025.53, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên bị cáo M. Tất cả không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên hoàn trả lại cho bị cáo.

[6.6] Đối với khối lượng ma túy còn lại sau giám định gồm: Mẫu ký hiệu M1: 9858,33 gam, loại Methamphetamine; mẫu ký hiệu M2: 14906,03 gam, loại Ketamine, theo Kết luận giám định số 5482/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh được chứa trong 01 thùng niêm phong số 5482/C09B, ngày 06/9/2024 có chữ ký tên của Lê Văn H1 (người niêm phong), Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hùng C2 (người chứng kiến), là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Từ những căn cứ và nhận định trên: Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa là có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo có căn cứ để chấp nhận một phần.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ: Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 23 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn M phải nộp 200.000 đồng án phí sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điểm h khoản 4 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M tử hình.

Căn cứ: Khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn M để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Trần Văn M được quyền gửi đơn đến Chủ tịch N để xin ân giảm án tử hình.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3.1. Buộc bị cáo Trần Văn M nộp lại tổng số tiền 48.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300, model TA-1286, màu xám có chứa sim.

3.3. Trả lại cho bị cáo Trần Văn M gồm:

- 98 tờ ngoại tệ, mỗi tờ mệnh giá 100 USD (Số seri theo Kết luận giám định số 6325/KL-KTHS ngày 21/10/2024 của V - Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu sơn xanh, số khung RLHJK1219PZ026922, số máy JK12E0333597, biển số 62AB-025.53, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Văn M.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, kiểu máy CPH12239, màu đen có chứa sim số thuê bao 0332132418.

3.4. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cái ba lô màu xanh dương và 01 cái ba lô màu đen;

- 01 thùng niêm phong số 5482/C09B, ngày 06/9/2024 có chữ ký tên của Lê Văn H1 (người niêm phong), Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hùng C2 (người chứng kiến), bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: Mẫu ký hiệu M1: 9858,33 gam, loại Methamphetamine; mẫu ký hiệu M2: 14906,03

gam, loại Ketamine, theo Kết luận giám định số 5482/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vật chứng và tài sản được Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 464/QĐ-VKSLA-P1 ngày 29/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An; Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021; các Điều 23 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn M nộp 200.000 đồng án phí hình sự sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Cục THADS tỉnh Long An (01);
- Công an tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Tâm